TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 16 - 12 - 2021
"V/v Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Ông Cao Minh Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021, về việc "*Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thu B, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Ông Châu Thanh T, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trương Thị Thu B trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào năm 2004 bà và ông Châu Thanh T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố T. Trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Châu Thị N, sinh ngày 31/12/2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông T có thói quen uống rượu say xỉn, cờ bạc không lo làm ăn kinh tế gia đình mà còn gây chuyện đánh đập bà. Qua nhiều năm

chịu đựng vì con và muốn ông T sửa đổi tính tình nhưng ông T không thay đổi mà ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn. Hiện tại vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà Thu B yêu cầu được nuôi con Châu Thị N, sinh ngày 31/12/2005 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Thu B khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Châu Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày và có yêu cầu như sau:

Ông T đồng ý là giữa vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân nhưng lỗi là do bà Thu B bỏ nhà đi. Nay vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm được nên ông T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông T muốn được nuôi con vì ông có nhà ở còn bà Thu B thì không có, tuy nhiên nếu con chọn ở với mẹ thì ông cũng đồng ý theo quyết định của con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Con chung cháu Châu Thị N có mặt trình bày:* cháu là con của mẹ Truong Thị Thu B và ba Châu Thanh T. Sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là Trương Thị Thu B, do cha cháu thường hay uống rượu say và đánh đập vợ con là có thật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt do đó căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trương Thị Thu B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Thu B và ông Châu Thanh T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Trà Vinh nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Thu B và ông Châu Thanh T là hợp pháp.

Tuy nhiên trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà Trương Thị Thu B và ông Châu Thanh T có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân và hai bên thuận tình ly hôn với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của bà Trương Thị Thu B và ông Châu

Thanh T không thể hàn gắn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Thu B là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà Trương Thị Thu B và ông Châu Thanh T thống nhất theo nguyện vọng của cháu Châu Thị Bích N, giao cháu Châu Thị Bích N cho bà Trương Thị Thu B nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: đương sự tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bà Trương Thị Thu B có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, 35, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thu B.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị Thu B được ly hôn với ông Châu Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Châu Thị Bích N, sinh ngày 31/12/2005 cho bà Trương Thị Thu B chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Châu Thanh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Trương Thị Thu B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng tại biên lai thu tiền số: 0007338 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Uỷ ban nhân dã xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP.Trà Vinh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang